DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

(Kèm theo Quyết định số: 368.2021/QĐ – VPCNCL ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Hiệu chuẩn và Thử nghiệm Điện**

Laboratory: ***Calibration and Electrical Testing Laboratory***

Cơ quan chủ quản: **Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3**

Organization: ***EVNGENCO 3 Power Service Company***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường – Hiệu chuẩn**

Field of testing: ***Measurement – Calibration***

Người quản lý/ *Representative:* **Lê Văn Thịnh**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT/ *No*	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Trương Văn Phương**	Các phép hiệu chuẩn được công nhận/ *All accredited calibrations*
2.	**Phan Văn Dũng**	
3.	**Lê Văn Thịnh**	
4.	**Lê Hoàng Thư**	
5.	**Trần Văn Cơ**	
6.	**Phạm Thanh Phong**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 504**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **24/06/2024**

Địa chỉ/ *Address*: **Số 332, đường Độc Lập (quốc lộ 51), phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

No. 332 Dong Lap Str. (National road 51), Phu My ward, Phu My town, Ba Ria – Vung Tau province

Địa điểm/*Location:* **Phân xưởng Sửa chữa Điện – Tự động Phú Mỹ, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Electrical Maintenance Department, Industrial park Phu My 1, Phu My ward, Phu My town, Ba Ria – Vung Tau province

Điện thoại/ *Tel:* **0254 3924 436** Fax: **0254 3924 437**

E-mail: **eps@genco3.evn.vn** Website: **www.eps.genco3.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 504

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Áp suất**

Field of calibration: ***Pressure***

TT ***No***	**Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn** ***Measured quantities/calibrated equipment***	**Phạm vi đo** ***Range of measurement***	**Quy trình hiệu chuẩn** ***Calibration procedure***	**Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)[1]** ***Calibration and measurement capability (CMC)[1]***
1.	**Áp kế kiểu lò xo và hiện số** ***Pressure gauge with digital and dial indicating type***	Đến/ *Up to* 350 bar	ĐLVN 76:2001	0,1%
2.	**Thiết bị đặt mức áp suất** ***Pressure switch***	Đến/ *Up to* 350 bar	ĐLVN 133:2004	1,0%
3.	**Thiết bị chuyển đổi áp suất** ***Pressure transmitter***	Đến/ *Up to* 350 bar	ĐLVN 112:2002	0,1%

Ghi chú/ *Note:*

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa.

Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits./.